TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 144/2018/QĐST-HNGĐ	*Càng Long, ngày 22 tháng 3 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 229/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T T**, sinh năm 1988. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh **La Quốc N**, sinh năm 1981. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14/3/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T T, sinh năm 1988. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T với anh La Quốc N, sinh năm 1981. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T T và anh La Quốc N tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: tên La Gia M, sinh ngày 10/02/2010 hiện đang sống với chị T và cháu M có nguyện sống với chị T. Chị T và anh N tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi con như sau:

Chị Nguyễn Thị T T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung

tên La Gia M, sinh ngày 10/02/2010.

Anh La Quốc N được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T và anh N chưa yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: chị T và anh N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T T tự nguyện nộp 150.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2015/0014632, ngày 09/3/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T T số tiền tạm ứng án phí chênh lệch. Anh N không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Toà án tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung